

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/10/2019

*V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan, ông Nguyễn Công Hoan.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 459/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/8/2019 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nghiêm Thị Hồng D, sinh năm 1984.

ĐKKHKT và hiện cư trú tại: Số 76 TP, phường QT, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Đoàn Thanh H, sinh năm 1982.

ĐKKHKT và hiện cư trú tại: Số 27b/151 Q, phường BH, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị D có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nghiêm Thị Hồng D trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Đoàn Thanh H được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường QT, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 17/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Anh H ghen tuông vô cớ nên về gây sự với chị và có thái độ không đúng mực với chị, bỏ mẹ đẻ chị. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay không ai quan tâm đến ai. Do vậy chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Chị xác định chữ ký, chữ viết trong bản tự khai, đơn đề nghị gia đình anh H giao nộp cho Tòa án là của anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Nguyên Đ, sinh ngày 26/5/2013. Chị xin được nuôi con cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai, đơn đề nghị của anh H thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm và công việc làm ăn không thuận lợi. Anh H xác định anh, chị không ở cùng nhau 6 năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải cho vợ chồng ly hôn. Về con chung vợ chồng có 01 con chung là cháu Đoàn Nguyên Đ, sinh ngày 26/5/2013. Nay vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Lời khai bà Đặng Thị Thúy xác định vợ chồng chị D, anh H có mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, anh H có thái độ không đúng mực với gia đình bà. Chị D, anh H đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, vợ chồng mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng có 01 con chung thống nhất như phần trình bày của chị D, anh H. Vợ chồng không có tài sản, nợ và không có công sức đóng góp với gia đình bà.

Lời khai ông Đoàn Thanh Hải, bà Phan Thị Thơm xác định sau khi kết hôn vợ chồng chị D, anh H về chung sống cùng ông, bà tại số 27b/151 Q, phường BH, thành phố H, tỉnh Hải Dương khoảng một năm thì anh chị chuyển sang gia đình chị D sinh sống. Do anh chị không trực tiếp sống cùng gia đình nên ông bà không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị. Chỉ thấy biểu hiện khoảng một năm trở lại đây khi gia đình bên chồng có công việc, chị D không sang mà chỉ cho con sang. Vợ chồng có một con chung như anh H, chị D trình bày. Vợ chồng không có tài sản, nợ, và không có công sức đóng góp với gia đình ông, bà. Anh H đăng ký hộ khẩu và hiện vẫn cư trú tại 27b/151 Q, phường BH, thành phố H, tỉnh Hải Dương, anh H làm công việc lái xe không cố định một nơi nhất định nên thi thoảng mới về. Ông, bà xác định chữ ký, chữ viết trong bản tự khai và đơn đề nghị giao nộp cho Tòa án là của anh H.

Lời khai những người làm chứng nơi chị D sinh sống xác định từ năm 2013 chị D về gia đình nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại địa chỉ số 76 TP, phường QT, thành phố H, tỉnh Hải Dương chỉ thấy chị D và cháu Đ, chưa gặp anh H lần nào.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng đề nghị: Xử cho chị Nghiêm Thị Hồng D ly hôn anh Đoàn Thanh H; Về quan hệ con chung: Giao cháu Đoàn Nguyên Đ, sinh ngày 26/5/2013 cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung tròn 18 tuổi, chấp

nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*Chị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân của chị với anh Đoàn Thanh H, hiện anh H đang cư trú tại phường BH, thành phố H. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị Nghiêm Thị Hồng D và anh Đoàn Thanh H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường QT, thành phố H ngày 17/3/2010. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị D, anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị D, anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Năm 2018, chị D làm đơn xin ly hôn anh H nhưng sau đó đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị D, anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nghiêm Thị Hồng D ly hôn anh Đoàn Thanh H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị D, anh H có 01 con chung là cháu Đoàn Nguyên Đ, sinh ngày 26/5/2013, hiện cháu Đ đang ở cùng chị D. Nay vợ chồng ly hôn chị D đề nghị Tòa án giao cho chị D được tiếp tục nuôi cháu Đ cho đến khi con tròn 18 tuổi, chị D tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại bản tự khai của anh H ngày 26/9/2019, về phần con chung anh H có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị D có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con và hiện nay cháu Đ đang ở cùng chị D ổn định. Do vậy để đảm bảo sự phát triển tốt nhất và tránh sự xáo trộn cho cháu Đ cần giao cho chị D tiếp tục nuôi cháu Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con, anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị D, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nghiêm Thị Hồng D.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nghiêm Thị Hồng D được ly hôn anh Đoàn Thanh H.

- *Về con chung:* Xử giao cho chị Nghiêm Thị Hồng D nuôi dưỡng con chung là cháu Đoàn Nguyên Đ, sinh ngày 26/5/2013 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Nghiêm Thị Hồng D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đòi trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007130 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị D đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D, vắng mặt anh H. Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường QT, TP. Hải Dương để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan